

CHÍNH PHỦ

Số: 126/2005/NĐ-CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Hà Nội, ngày 10 tháng 10 năm 2005***NGHỊ ĐỊNH****Quy định về xử phạt vi phạm hành chính
trong lĩnh vực đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa****CHÍNH PHỦ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Pháp lệnh Đo lường ngày 06 tháng 10 năm 1999;

Căn cứ Pháp lệnh Chất lượng hàng hóa ngày 24 tháng 12 năm 1999;

Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ,

NGHỊ ĐỊNH:**Chương I****NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị định này quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

Vi phạm hành chính trong lĩnh vực đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa là hành vi cố ý hoặc vô ý của cá nhân, cơ quan, tổ chức (sau đây gọi chung là cá nhân, tổ chức) vi phạm các quy định của pháp luật về quản lý nhà nước trong lĩnh vực đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa mà không phải là tội phạm và theo quy định của pháp luật phải bị xử phạt vi phạm hành chính, bao gồm:

1. Vi phạm các quy định quản lý nhà nước trong lĩnh vực đo lường:

a) Vi phạm các quy định về đơn vị đo lường hợp pháp;

b) Vi phạm các quy định về kiểm định phương tiện đo trong sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu, sửa chữa;

c) Vi phạm quy định về công nhận khả năng kiểm định và ủy quyền kiểm định phương tiện đo;

d) Vi phạm quy định về đo lường đối

với hàng đóng gói sẵn định lượng theo khối lượng hoặc thể tích;

đ) Vi phạm quy định về đo lường đối với các phép đo trong thương mại bán lẻ;

e) Vi phạm các quy định khác của pháp luật về đo lường.

2. Vi phạm các quy định quản lý nhà nước trong lĩnh vực chất lượng sản phẩm, hàng hóa:

a) Vi phạm các quy định về công bố tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

b) Vi phạm các quy định về công bố chất lượng sản phẩm, hàng hóa phù hợp tiêu chuẩn Việt Nam, tiêu chuẩn ngành hoặc tiêu chuẩn khác (sau đây gọi tắt là công bố chất lượng phù hợp tiêu chuẩn);

c) Vi phạm quy định về chứng nhận chất lượng sản phẩm, hàng hóa phù hợp tiêu chuẩn Việt Nam, tiêu chuẩn ngành hoặc tiêu chuẩn khác (sau đây gọi tắt là chứng nhận chất lượng phù hợp tiêu chuẩn);

d) Vi phạm các quy định về chứng nhận và công nhận hệ thống quản lý chất lượng;

đ) Vi phạm các quy định về sử dụng mã số mã vạch;

e) Vi phạm các quy định về kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

g) Vi phạm các quy định khác của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cá nhân, tổ chức Việt Nam có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa thì bị xử phạt hành chính theo quy định của Nghị định này.

2. Cá nhân, tổ chức nước ngoài có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên lãnh thổ Việt Nam cũng bị xử phạt theo quy định của Nghị định này, trừ trường hợp Điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập có quy định khác.

Điều 3. Nguyên tắc xử phạt

1. Mọi vi phạm hành chính trong lĩnh vực đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa phải được phát hiện kịp thời và phải bị đình chỉ ngay. Việc xử phạt phải được tiến hành nhanh chóng, công minh, triệt để. Mọi hậu quả do hành vi vi phạm hành chính gây ra phải được khắc phục theo đúng quy định của pháp luật. Cá nhân, tổ chức chỉ bị xử phạt vi phạm hành chính khi có vi phạm hành chính do pháp luật quy định.

2. Việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa phải do người có thẩm quyền xử phạt được quy định tại các Điều 25, 26 và Điều 27 của Nghị định này thực hiện.

3. Một hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực đo lường và chất lượng

sản phẩm, hàng hóa chỉ bị xử phạt hành chính một lần; một người thực hiện nhiều hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa thì bị xử phạt về từng hành vi vi phạm. Nếu hình thức xử phạt là phạt tiền thì được cộng lại thành mức phạt chung và chỉ ra một quyết định xử phạt. Nhiều người cùng thực hiện một hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa thì mỗi người vi phạm đều bị xử phạt về hành vi đó và người có thẩm quyền xử phạt căn cứ vào tính chất, mức độ vi phạm, nhân thân người vi phạm, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ mà ra quyết định xử phạt đối với từng người cùng thực hiện hành vi vi phạm hành chính.

Điều 4. Các hình thức xử phạt vi phạm hành chính và các biện pháp khắc phục hậu quả

1. Đối với mỗi vi phạm hành chính trong lĩnh vực đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa, cá nhân, tổ chức vi phạm phải chịu một trong những hình thức xử phạt chính sau đây:

a) Phạt cảnh cáo: áp dụng đối với những vi phạm hành chính nhỏ, lần đầu, có tình tiết giảm nhẹ;

b) Phạt tiền: căn cứ vào tính chất, mức độ vi phạm của người vi phạm để quyết định mức phạt tiền trong khung tiền phạt đã được quy định. Khi phạt tiền, mức tiền phạt cụ thể đối với một hành vi vi phạm hành chính là mức trung bình

của khung tiền phạt được quy định đối với hành vi đó; nếu có tình tiết giảm nhẹ thì mức tiền phạt có thể giảm xuống, nhưng không được giảm quá mức tối thiểu của khung tiền phạt; nếu có tình tiết tăng nặng thì mức tiền phạt có thể tăng lên nhưng không được vượt quá mức tối đa của khung tiền phạt;

Tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng vi phạm hành chính trong lĩnh vực đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

2. Tùy theo tính chất, mức độ của hành vi vi phạm, tổ chức, cá nhân vi phạm hành chính trong lĩnh vực đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa còn có thể bị áp dụng một hoặc các hình thức xử phạt bổ sung sau đây:

a) Tước quyền sử dụng có thời hạn hoặc không thời hạn các loại quyết định bao gồm: quyết định phê duyệt mẫu phương tiện đo; quyết định công nhận khả năng kiểm định phương tiện đo (hoặc mở rộng phạm vi kiểm định); quyết định ủy quyền kiểm định phương tiện đo (hoặc mở rộng phạm vi ủy quyền kiểm định); quyết định công nhận lại khả năng kiểm định phương tiện đo; quyết định gia hạn ủy quyền kiểm định phương tiện đo; quyết định về việc chứng nhận và cấp thẻ kiểm định viên đo lường; quyết định chỉ định tổ chức kiểm tra về chất lượng; giấy chứng nhận chất lượng phù hợp tiêu chuẩn hoặc các giấy phép, chứng chỉ hành nghề khác do cơ quan nhà nước,

người có thẩm quyền cấp trong lĩnh vực đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

b) Tịch thu tang vật và phương tiện đã sử dụng để vi phạm hành chính trong lĩnh vực đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

3. Ngoài các hình thức xử phạt chính, xử phạt bổ sung nêu trên, tổ chức, cá nhân vi phạm hành chính còn có thể bị áp dụng một hoặc nhiều biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:

a) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do hành vi vi phạm hành chính gây ra;

b) Buộc thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, lây lan dịch bệnh do hành vi vi phạm hành chính gây ra;

c) Buộc công bố tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, hàng hóa; buộc công bố phù hợp tiêu chuẩn; buộc chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn;

d) Buộc loại bỏ dấu, tem vi phạm các quy định về phù hợp tiêu chuẩn; buộc tiêu hủy bao bì có in dấu vi phạm các quy định về phù hợp tiêu chuẩn; buộc cải chính nội dung thông tin quảng cáo sai sự thật trên các phương tiện thông tin đại chúng;

đ) Buộc sửa chữa phương tiện đo sai, hỏng, không đạt yêu cầu quy định; buộc ghi, khắc theo đúng các quy định về đơn vị đo lường hợp pháp; buộc sửa chữa, hiệu

chỉnh phương tiện đo theo đúng với các chỉ tiêu kỹ thuật đã được phê duyệt mẫu; buộc thu hồi các phương tiện đo vi phạm đã đưa vào lưu thông; buộc tái xuất; buộc cấm lưu hành phương tiện đo nhập khẩu không đúng quy định;

e) Buộc thực hiện kiểm định và hoàn thành thủ tục phê duyệt mẫu trong thời hạn quy định; buộc hoàn thành thủ tục đề nghị công nhận lại khả năng kiểm định;

g) Buộc người kinh doanh thực hiện cân, đong đúng quy định; đóng gói lại hoặc buộc ghi bổ sung định lượng thực;

h) Buộc xác định nguồn gốc xuất xứ phương tiện đo; buộc đóng gói lại đúng định lượng theo quy định;

i) Buộc tái chế, buộc tiêu hủy hoặc buộc tái xuất theo quy định của pháp luật đối với hàng hóa nhập khẩu gây hậu quả nghiêm trọng về sức khỏe con người, động vật, an toàn, vệ sinh và môi trường; buộc tái chế hoặc buộc tái xuất đối với hàng hóa nhập khẩu có chất lượng thấp hơn mức chất lượng theo quy định của pháp luật hoặc đã quá hạn sử dụng;

k) Buộc tái chế hoặc buộc thay đổi mục đích sử dụng đối với hàng hóa sản xuất trong nước có chất lượng thấp hơn mức chất lượng theo quy định của pháp luật nhưng chưa vi phạm quy định bắt buộc về sức khỏe con người, động vật, an toàn, vệ sinh và môi trường; buộc tiêu hủy hoặc buộc thay đổi mục đích sử dụng đối với hàng hóa đã quá hạn sử dụng;

l) Buộc thu hồi tem, giấy chứng nhận kiểm định, giấy chứng nhận quyền sử dụng mã số mã vạch, các kết quả kiểm tra chất lượng đã cấp trái quy định.

Điều 5. Thời hiệu xử phạt và thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính

1. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm hành chính được quy định tại Nghị định này là một năm kể từ ngày hành vi vi phạm hành chính được thực hiện; thời hạn trên được tính là hai năm đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thuộc Danh mục sản phẩm, hàng hóa phải kiểm tra về chất lượng do Thủ tướng Chính phủ ban hành. Nếu quá thời hạn nói trên thì không bị xử phạt nhưng vẫn bị áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả được quy định tại khoản 3 Điều 4 của Nghị định này.

2. Đối với cá nhân thực hiện hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa mà bị khởi tố, truy tố hoặc có quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục tố tụng hình sự, nhưng sau đó có quyết định đình chỉ điều tra hoặc đình chỉ vụ án mà hành vi đó vi phạm hành chính thì bị xử phạt hành chính; trong thời hạn ba ngày, kể từ ngày ra quyết định đình chỉ điều tra, đình chỉ vụ án, người đã ra quyết định phải gửi quyết định cho người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

trong trường hợp này, thời hiệu xử phạt hành chính là (03) ba tháng kể từ ngày người có thẩm quyền xử phạt nhận được quyết định đình chỉ và hồ sơ vụ vi phạm.

3. Nếu trong thời hạn quy định tại các khoản 1, khoản 2 của Điều này mà cá nhân, tổ chức vi phạm lại thực hiện hành vi vi phạm hành chính mới trong lĩnh vực đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa hoặc cố tình trốn tránh, cản trở việc xử phạt thì không áp dụng thời hiệu nói trên; thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính được tính lại kể từ thời điểm thực hiện hành vi vi phạm mới hoặc thời điểm chấm dứt hành vi trốn tránh cản trở.

4. Cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa, nếu quá một năm kể từ ngày chấp hành xong quyết định xử phạt hoặc kể từ ngày hết thời hiệu thi hành quyết định xử phạt mà không tái phạm thì được coi như chưa bị xử phạt vi phạm hành chính.

Chương II

HÌNH THỨC XỬ PHẠT VÀ MỨC XỬ PHẠT CÁC HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC ĐO LƯỜNG

Điều 6. Hành vi vi phạm quy định về đo lường trong việc sản xuất phương tiện đo thuộc Danh mục phương tiện đo phải kiểm định do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành

1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện việc kiểm định ban đầu đối với phương tiện đo khi xuất bán.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi sản xuất phương tiện đo không đúng với mẫu phương tiện đo được phê duyệt.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với hành vi sản xuất phương tiện đo khi chưa được cơ quan quản lý nhà nước về đo lường có thẩm quyền phê duyệt mẫu.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng quyết định phê duyệt mẫu phương tiện đo đến 180 ngày đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 của Điều này.

5. Các biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thực hiện kiểm định trong thời hạn nhất định đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 của Điều này;

b) Buộc sửa chữa, hiệu chỉnh phương tiện đo đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 của Điều này;

c) Buộc hoàn thành thủ tục phê duyệt mẫu phương tiện đo trong thời hạn nhất định đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 của Điều này.

Điều 7. Hành vi vi phạm quy định về kiểm định trong việc nhập khẩu phương tiện đo thuộc Danh mục

phương tiện đo phải kiểm định do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện chế độ kiểm định ban đầu các phương tiện đo nhập khẩu trước khi đưa vào lưu thông.

2. Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi:

a) Nhập khẩu phương tiện đo mà chưa được cơ quan quản lý nhà nước về đo lường có thẩm quyền phê duyệt mẫu;

b) Nhập khẩu phương tiện đo không đúng với mẫu đã được phê duyệt.

3. Các biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thực hiện kiểm định theo quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 của Điều này;

b) Buộc hoàn thành thủ tục phê duyệt mẫu đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 2 của Điều này;

c) Buộc tái xuất hoặc cấm lưu hành hoặc làm thủ tục xin phê duyệt lại mẫu phương tiện đo đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 2 của Điều này.

Điều 8. Hành vi vi phạm quy định về kiểm định trong việc sửa chữa phương tiện đo thuộc Danh mục phương tiện đo phải kiểm định do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 100.000 đồng đến 300.000 đồng đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ sửa chữa phương tiện đo không thực hiện kiểm định theo quy định.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc thực hiện kiểm định trong thời hạn quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 của Điều này.

Điều 9. Hành vi vi phạm quy định về kinh doanh phương tiện đo thuộc Danh mục phương tiện đo phải kiểm định do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong các hành vi:

a) Kinh doanh phương tiện đo chưa kiểm định;

b) Kinh doanh phương tiện đo không rõ nguồn gốc xuất xứ.

2. Các biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thực hiện kiểm định ban đầu đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 1 của Điều này;

b) Buộc xác định nguồn gốc xuất xứ phương tiện đo đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 1 của Điều này.

Điều 10. Hành vi vi phạm quy định về đo lường trong bán lẻ, về sử dụng phương tiện đo thuộc Danh mục phương tiện đo phải kiểm định

do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành, về sử dụng dấu, tem kiểm định, về giấy chứng nhận kiểm định

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 100.000 đồng đến 300.000 đồng đối với hành vi gian lận cân, đong hàng hóa có giá trị nhỏ trong thương mại bán lẻ gây thiệt hại cho khách hàng.

2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi gian lận cân, đong hàng hóa có giá trị lớn trong thương mại bán lẻ gây thiệt hại cho khách hàng.

3. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 100.000 đồng đến 300.000 đồng đối với một trong các hành vi:

a) Sử dụng phương tiện đo không có dấu, tem kiểm định hoặc giấy chứng nhận kiểm định theo quy định;

b) Sử dụng dấu, tem kiểm định hoặc giấy chứng nhận kiểm định đã hết thời hạn hiệu lực.

4. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với một trong các hành vi:

a) Sử dụng phương tiện đo sai, hỏng, không đạt yêu cầu quy định;

b) Có sự gian lận trong việc sử dụng dấu, tem kiểm định hoặc giấy chứng nhận kiểm định (tháo dỡ, gắn lại niêm chì, sửa chữa, tẩy xóa nội dung trong chứng chỉ kiểm định).

5. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến

7.000.000 đồng đối với một trong các hành vi:

a) Làm thay đổi tình trạng kỹ thuật và đặc tính đo lường của phương tiện đo; điều chỉnh, sửa chữa, thay thế, lắp thêm, rút bớt các chi tiết, thiết bị của phương tiện đo để làm sai lệch kết quả đo;

b) Giả mạo dấu, tem kiểm định hoặc giấy chứng nhận kiểm định.

6. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu phương tiện đo đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 5 của Điều này.

7. Các biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc người kinh doanh thực hiện cân, đong đúng quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, 2 của Điều này;

b) Buộc thực hiện kiểm định theo quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 và điểm b khoản 4 của Điều này;

c) Buộc sửa chữa, hiệu chỉnh và kiểm định lại đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 4 của Điều này;

d) Buộc khôi phục tình trạng ban đầu của phương tiện đo; kiểm định theo quy định phương tiện đo đó đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 5 của Điều này;

đ) Buộc tiêu hủy dấu, tem kiểm định hoặc giấy chứng nhận kiểm định giả

mạo và buộc thực hiện kiểm định theo quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 5 của Điều này.

Điều 11. Hành vi vi phạm quy định về kiểm định phương tiện đo của tổ chức kiểm định

1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi:

a) Kiểm định phương tiện đo không thuộc lĩnh vực được công nhận khả năng kiểm định hoặc ủy quyền kiểm định;

b) Sử dụng các quyết định sau đây đã hết thời hạn hiệu lực: quyết định công nhận khả năng kiểm định phương tiện đo (hoặc mở rộng phạm vi kiểm định); sử dụng quyết định ủy quyền kiểm định phương tiện đo (hoặc mở rộng phạm vi ủy quyền kiểm định) hoặc quyết định công nhận lại khả năng kiểm định phương tiện đo; quyết định gia hạn ủy quyền kiểm định phương tiện đo;

c) Sử dụng chuẩn đã hết thời hạn hiệu lực kiểm định;

d) Không thực hiện kiểm định mà giao tem kiểm định, giấy chứng nhận kiểm định không chỉ cho tổ chức, cá nhân buôn bán, sử dụng phương tiện đo để họ tự dán tem kiểm định hoặc điền vào giấy chứng nhận kiểm định.

2. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.500.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Thực hiện kiểm định phương tiện đo khi chưa được cấp thẻ kiểm định viên đo lường;

b) Không tuân thủ quy trình kiểm định;

c) Sử dụng dấu, tem kiểm định, giấy chứng nhận kiểm định không đúng quy định.

3. Các hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tước quyền sử dụng quyết định công nhận khả năng kiểm định hoặc ủy quyền kiểm định đến 180 ngày đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a và điểm d khoản 1 của Điều này;

b) Tước quyền sử dụng thẻ kiểm định viên đến 90 ngày đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 2 của Điều này.

4. Các biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thu hồi giấy chứng nhận kiểm định đã cấp trái quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 1 của Điều này;

b) Buộc thực hiện kiểm định chuẩn theo quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 1 của Điều này;

c) Buộc thu hồi dấu, tem kiểm định, giấy chứng nhận kiểm định sử dụng không đúng quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 2 của Điều này;

d) Buộc thu hồi tem kiểm định, giấy

chứng nhận kiểm định không chỉ đã cấp đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm d khoản 1 của Điều này. Tổ chức, cá nhân vi phạm phải chịu mọi phí tổn cho việc thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả.

Điều 12. Hành vi vi phạm quy định về đo lường đối với việc sản xuất hàng đóng gói sẵn theo định lượng (khối lượng hoặc thể tích) thuộc Danh mục hàng đóng gói sẵn phải quản lý nhà nước về đo lường do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành

1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi:

a) Không ghi định lượng thực trên bao bì theo quy định;

b) Không đủ định lượng, có sai số vượt quá mức giới hạn cho phép đối với sản xuất hàng đóng gói sẵn.

2. Các biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc ghi định lượng thực hàng hóa theo quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 1 của Điều này;

b) Buộc đóng gói lại đúng định lượng hàng hóa đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 1 của Điều này.

Tổ chức, cá nhân vi phạm phải chịu mọi phí tổn cho việc thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả.

Điều 13. Hành vi kinh doanh hàng đóng gói sẵn theo định lượng (khối lượng hoặc thể tích) thuộc Danh mục hàng đóng gói sẵn phải quản lý nhà nước về đo lường do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành nhưng không ghi định lượng thực trên bao bì

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 100.000 đồng đến 300.000 đồng đối với hành vi kinh doanh hàng hóa không ghi định lượng thực trên bao bì theo quy định.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc cơ sở sản xuất ghi bổ sung định lượng thực trên bao bì đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 của Điều này.

Điều 14. Hành vi cản trở hoạt động giám sát, kiểm tra các phép đo, phương pháp đo của phương tiện đo

Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi: cản trở, không tạo điều kiện thuận lợi để người có trách nhiệm, khách hàng hoặc đại diện của khách hàng giám sát, kiểm tra các phép đo, phương pháp đo của phương tiện đo theo quy định của pháp luật.

Chương III

HÌNH THỨC XỬ PHẠT VÀ MỨC XỬ PHẠT CÁC HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM, HÀNG HÓA

Điều 15. Hành vi vi phạm các quy định về công bố tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa trong sản xuất hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa phải công bố tiêu chuẩn chất lượng do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện công bố tiêu chuẩn chất lượng khi sản xuất hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa phải công bố tiêu chuẩn chất lượng.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện công bố tiêu chuẩn sửa đổi khi sản xuất hàng hóa có những thay đổi so với nội dung tiêu chuẩn đã công bố.

3. Các biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc công bố tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa trong thời hạn quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 của Điều này;

b) Buộc công bố tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa sửa đổi theo quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 của Điều này.

Điều 16. Hành vi vi phạm các quy định về công bố sản phẩm, hàng hóa phù hợp tiêu chuẩn trong sản xuất

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện công bố hàng hóa phù hợp tiêu chuẩn khi sản xuất hàng hóa thuộc Danh

mục sản phẩm, hàng hóa phải công bố phù hợp tiêu chuẩn.

2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi chưa công bố hàng hóa phù hợp tiêu chuẩn mà đã đóng dấu phù hợp tiêu chuẩn hoặc dán tem phù hợp tiêu chuẩn hoặc thông tin, quảng cáo là đã công bố hàng hóa phù hợp tiêu chuẩn khi sản xuất hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa phải công bố phù hợp tiêu chuẩn.

3. Các biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc công bố hàng hóa phù hợp tiêu chuẩn trong thời hạn quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 của Điều này;

b) Buộc tiêu hủy bao bì vi phạm; buộc cải chính nội dung thông tin quảng cáo sai sự thật trên phương tiện đã thông tin theo quy định của pháp luật về quảng cáo; buộc công bố hàng hóa phù hợp tiêu chuẩn theo quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 của Điều này. Tổ chức, cá nhân vi phạm phải chịu mọi phí tổn cho việc thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả.

Điều 17. Hành vi vi phạm các quy định về giấy chứng nhận chất lượng phù hợp tiêu chuẩn và hoạt động chứng nhận chất lượng phù hợp tiêu chuẩn trong sản xuất

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng giấy chứng nhận chất lượng phù hợp

tiêu chuẩn đã hết thời hạn hiệu lực khi sản xuất hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm, hàng hóa phải được chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn.

2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi kinh doanh hàng hóa chưa được chứng nhận chất lượng phù hợp tiêu chuẩn mà đã đóng dấu, dán tem phù hợp tiêu chuẩn hoặc quảng cáo đã được chứng nhận chất lượng hàng hóa phù hợp tiêu chuẩn.

3. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi chưa thực hiện chứng nhận chất lượng phù hợp tiêu chuẩn mà đã sản xuất hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm, hàng hóa phải được chứng nhận chất lượng phù hợp tiêu chuẩn.

4. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với hành vi chưa được chứng nhận chất lượng phù hợp tiêu chuẩn mà đã đóng dấu, dán tem phù hợp tiêu chuẩn hoặc quảng cáo đã được chứng nhận chất lượng phù hợp tiêu chuẩn khi sản xuất hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm, hàng hóa phải được chứng nhận chất lượng phù hợp tiêu chuẩn.

5. Các biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thực hiện việc chứng nhận chất lượng theo quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 của Điều này;

b) Buộc người kinh doanh mặt hàng đó tiêu hủy bao bì có in dấu phù hợp tiêu chuẩn và buộc cải chính nội dung thông tin quảng cáo sai sự thật trên phương tiện đã thông tin theo quy định của pháp luật về quảng cáo đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 của Điều này;

c) Buộc thực hiện việc chứng nhận chất lượng trong thời hạn quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 của Điều này;

d) Buộc tiêu hủy bao bì có in dấu phù hợp tiêu chuẩn; buộc cải chính nội dung thông tin quảng cáo sai sự thật trên phương tiện đã thông tin theo quy định của pháp luật về quảng cáo; buộc thực hiện việc chứng nhận chất lượng theo quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 của Điều này.

Tổ chức, cá nhân vi phạm phải chịu mọi phí tổn cho việc thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả tại điểm b, d khoản 5 của Điều này.

Điều 18. Hành vi vi phạm các quy định về chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong hoạt động sản xuất

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi sản xuất sản phẩm, hàng hóa không thuộc Danh mục sản phẩm, hàng hóa phải áp dụng tiêu chuẩn nhưng có mức chất lượng thấp hơn giới hạn cho phép so với mức chất lượng đã tự nguyện công bố.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi sản xuất sản phẩm, hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm, hàng hóa phải áp dụng tiêu chuẩn mà chất lượng thấp hơn giới hạn cho phép so với mức chất lượng đã công bố nhưng chưa vi phạm quy định bắt buộc về sức khỏe con người, an toàn, vệ sinh và môi trường.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với hành vi sản xuất sản phẩm, hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm, hàng hóa phải áp dụng tiêu chuẩn mà chất lượng thấp hơn giới hạn cho phép so với mức chất lượng đã công bố nhưng vi phạm quy định bắt buộc về sức khỏe con người, an toàn, vệ sinh và môi trường.

4. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi sản xuất sản phẩm, hàng hóa không thuộc Danh mục sản phẩm, hàng hóa phải được chứng nhận chất lượng phù hợp tiêu chuẩn mà chất lượng thấp hơn giới hạn cho phép so với mức chất lượng đã được chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn.

5. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với hành vi sản xuất sản phẩm, hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm, hàng hóa phải được chứng nhận chất lượng phù hợp tiêu chuẩn mà chất lượng thấp hơn giới hạn cho phép so với mức chất lượng đã được chứng nhận chất lượng sản phẩm, hàng hóa phù hợp tiêu chuẩn nhưng chưa vi phạm quy định bắt

buộc về sức khỏe con người, an toàn, vệ sinh và môi trường.

6. Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi sản xuất sản phẩm, hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm, hàng hóa phải được chứng nhận chất lượng phù hợp tiêu chuẩn mà chất lượng thấp hơn giới hạn cho phép so với mức chất lượng đã được chứng nhận chất lượng sản phẩm, hàng hóa phù hợp tiêu chuẩn nhưng vi phạm quy định bắt buộc về sức khỏe con người, an toàn, vệ sinh và môi trường.

7. Các hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tước quyền sử dụng giấy chứng nhận chất lượng phù hợp tiêu chuẩn đến 90 ngày đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 của Điều này;

b) Tước quyền sử dụng giấy chứng nhận chất lượng phù hợp tiêu chuẩn đến 180 ngày đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 6 của Điều này.

8. Các biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc tái chế hoặc chuyển đổi mục đích sử dụng sản phẩm, hàng hóa đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, 2 và khoản 4, 5 của Điều này;

b) Buộc tái chế hoặc tiêu hủy sản phẩm, hàng hóa chất lượng kém có khả năng gây hại sức khỏe con người, an toàn, vệ sinh và môi trường đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3, 6 của Điều này.

Tổ chức, cá nhân vi phạm phải chịu mọi phí tổn cho việc thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả.

Điều 19. Hành vi vi phạm các quy định về chất lượng sản phẩm, hàng hóa so với nội dung tiêu chuẩn chất lượng đã công bố áp dụng và nội dung đã được chứng nhận chất lượng sản phẩm, hàng hóa phù hợp tiêu chuẩn trong hoạt động kinh doanh

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi kinh doanh sản phẩm, hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm, hàng hóa phải áp dụng tiêu chuẩn nhưng chưa công bố sản phẩm, hàng hóa đó phải áp dụng tiêu chuẩn hoặc thuộc Danh mục sản phẩm, hàng hóa phải chứng nhận chất lượng phù hợp tiêu chuẩn nhưng chưa được chứng nhận.

2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với hành vi làm sai lệch chỉ dẫn (giả mạo dấu chất lượng, dấu phù hợp tiêu chuẩn, giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn hoặc các giấy phép, chứng chỉ hành nghề khác do cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền cấp trong lĩnh vực chất lượng sản phẩm, hàng hóa; thông tin sai lệch, thiếu trung thực, không đầy đủ...) về công bố phù hợp tiêu chuẩn hoặc chứng nhận chất lượng phù hợp tiêu chuẩn nhưng chưa vi phạm quy định bắt buộc về sức khỏe con người, an toàn, vệ sinh và môi trường.

3. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi làm sai lệch chỉ dẫn (giả mạo dấu chất lượng, dấu phù hợp tiêu chuẩn, giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn hoặc các giấy phép, chứng chỉ hành nghề khác do cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền cấp trong lĩnh vực chất lượng sản phẩm, hàng hóa; thông tin sai lệch, thiếu trung thực, không đầy đủ...) về công bố phù hợp tiêu chuẩn hoặc chứng nhận chất lượng phù hợp tiêu chuẩn vi phạm quy định bắt buộc về sức khỏe con người, an toàn, vệ sinh và môi trường.

4. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với hành vi can thiệp, tác động (thay thế, đánh tráo, rút bớt, pha trộn tạp chất, chất phụ gia, chế độ bảo quản...) làm sụt giảm chất lượng vượt quá giới hạn cho phép so với chất lượng sản phẩm, hàng hóa đã công bố phù hợp tiêu chuẩn hoặc đã được chứng nhận chất lượng phù hợp tiêu chuẩn nhưng chưa vi phạm quy định bắt buộc về sức khỏe con người, an toàn, vệ sinh và môi trường.

5. Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi can thiệp, tác động (thay thế, đánh tráo, rút bớt, pha trộn tạp chất, chất phụ gia, chế độ bảo quản...) làm sụt giảm chất lượng vượt quá giới hạn cho phép so với chất lượng sản phẩm, hàng hóa đã công bố phù hợp tiêu chuẩn hoặc đã được chứng

nhận chất lượng phù hợp tiêu chuẩn nhưng vi phạm quy định bắt buộc về sức khỏe con người, an toàn, vệ sinh và môi trường.

6. Phạt tiền gấp hai lần mức tiền phạt quy định từ khoản 2 đến khoản 5 của Điều này đối với tổ chức, cá nhân sản xuất, chế biến, gia công, lắp ráp, tái chế, chế tác, phân loại, đóng gói, nhập khẩu sản phẩm, hàng hóa.

7. Phạt tiền gấp hai lần mức tiền phạt quy định tại khoản 5 của Điều này đối với hàng hóa có giá trị lớn (vàng, kim loại quý hiếm, đá quý).

8. Các biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc trả lại cơ sở sản xuất để thực hiện công bố hoặc chứng nhận chất lượng theo quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 của Điều này;

b) Buộc tái chế hoặc buộc thay đổi mục đích sử dụng đối với sản phẩm, hàng hóa vi phạm quy định từ khoản 2 đến khoản 5 của Điều này.

Tổ chức, cá nhân vi phạm phải chịu mọi phí tổn cho việc thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả.

Điều 20. Hành vi vi phạm sử dụng mã số mã vạch

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Sử dụng trái phép mã số mã vạch quốc gia;

b) Sử dụng mã số mã vạch của doanh nghiệp khác đã được cơ quan có thẩm quyền cấp mà không được chủ doanh nghiệp đó cho phép.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với hành vi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng mã số mã vạch không đúng thẩm quyền.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu sản phẩm, hàng hóa có mã số mã vạch vi phạm đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 của Điều này.

4. Các biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc tiêu hủy nhãn hàng hóa có in mã số mã vạch vi phạm đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 của Điều này;

b) Buộc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng mã số mã vạch đã cấp cho doanh nghiệp không đúng thẩm quyền đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 của Điều này.

Điều 21. Hành vi vi phạm các quy định liên quan đến hoạt động kiểm tra chất lượng hàng hóa đối với hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm, hàng hóa phải kiểm tra về chất lượng trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện kiểm tra chất lượng hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm, hàng hóa phải kiểm tra về chất lượng khi đã đăng ký kiểm tra về chất lượng.

2. Hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm, hàng hóa phải kiểm tra về chất lượng nhưng có chất lượng thấp hơn giới hạn cho phép so với mức chất lượng cần đạt được theo quy định của pháp luật thì bị xử phạt theo các Điều 18 và Điều 19 của Nghị định này.

3. Các biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thực hiện kiểm tra về chất lượng trong thời hạn quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 của Điều này;

b) Buộc thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả theo các Điều 18 và Điều 19 của Nghị định này đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 của Điều này.

Điều 22. Hành vi vi phạm quy định kiểm tra về chất lượng hàng hóa của các tổ chức được chỉ định kiểm tra về chất lượng

1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.500.000 đồng đối với một trong các hành vi:

a) Tiến hành kiểm tra về chất lượng khi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chỉ định;

b) Không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ trình tự, thủ tục kiểm tra về chất lượng.

2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hoạt động kiểm tra về chất lượng không thuộc lĩnh vực kiểm tra chất lượng đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chỉ định.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng quyết định chỉ định tổ chức kiểm tra chất lượng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 của Điều này.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc thu hồi các kết quả kiểm tra chất lượng đã cấp đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a, điểm b khoản 1, khoản 2 của Điều này.

Điều 23. Hành vi vi phạm quy định về chứng nhận chất lượng, công nhận hệ thống quản lý chất lượng của các tổ chức dịch vụ kỹ thuật

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi:

a) Tiến hành hoạt động chứng nhận chất lượng, công nhận hệ thống quản lý chất lượng của các tổ chức dịch vụ kỹ thuật khi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chứng nhận đủ điều kiện hoạt động;

b) Không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ trình tự, thủ tục đánh giá, chứng nhận;

c) Cấp giấy chứng nhận chất lượng hoặc công nhận hệ thống quản lý chất lượng khi không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ trình tự, thủ tục đánh giá, chứng nhận;

d) Tiến hành hoạt động chứng nhận chất lượng, công nhận hệ thống quản lý chất lượng không thuộc lĩnh vực hoạt động đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép.

2. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b, c và điểm d khoản 1 của Điều này.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc thu hồi các giấy chứng nhận đã cấp đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a, b và điểm c khoản 1 của Điều này.

Điều 24. Hành vi cản trở hoạt động quản lý nhà nước trong lĩnh vực đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong các hành vi:

a) Từ chối cung cấp thông tin, tài liệu; cung cấp thông tin sai sự thật hoặc cung

cấp thông tin, tài liệu không đầy đủ cho cơ quan quản lý nhà nước hoặc người có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra về tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa mà không có lý do chính đáng;

b) Trì hoãn hoặc lẩn tránh thực hiện các yêu cầu, kiến nghị trong quyết định thanh tra;

c) Không thực hiện hoặc trì hoãn thực hiện các yêu cầu, kết luận, quyết định của Thanh tra chuyên ngành về đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với một trong các hành vi:

a) Tự ý tháo gỡ niêm phong hàng hóa, tang vật vi phạm đang bị niêm phong hoặc tạm giữ;

b) Tẩu tán, tiêu hủy hàng hóa, tang vật vi phạm đang bị kiểm tra hoặc tạm giữ;

c) Các hành vi cản trở khác làm cho cuộc thanh tra không được tiến hành bình thường.

Chương IV

THẨM QUYỀN VÀ THỦ TỤC XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC ĐO LƯỜNG VÀ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM, HÀNG HÓA

Điều 25. Thẩm quyền xử phạt của

thanh tra chuyên ngành đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa

1. Thanh tra viên chuyên ngành đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 200.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị đến 2.000.000 đồng;

d) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra;

đ) Buộc thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường sống, lây lan dịch bệnh do vi phạm hành chính gây ra;

e) Buộc tiêu hủy vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người, an toàn, vệ sinh và môi trường.

2. Chánh Thanh tra chuyên ngành đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa cấp Sở Khoa học và Công nghệ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 20.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng có thời hạn hoặc không thời hạn các loại giấy phép, chứng chỉ hành nghề do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp trong lĩnh vực đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e, g, h, k, l khoản 3 Điều 4 của Nghị định này.

3. Chánh thanh tra chuyên ngành Bộ Khoa học và Công nghệ được quyền xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại khoản 3 Điều 38 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính bao gồm:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 20.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng có thời hạn hoặc không có thời hạn giấy phép, chứng chỉ hành nghề về lĩnh vực đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa do các cơ quan có thẩm quyền cấp trong lĩnh vực đo lường, chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e, g, h, k, l khoản 3 Điều 4 của Nghị định này.

Điều 26. Thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, cấp huyện, cấp tỉnh

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có quyền xử phạt vi phạm hành chính trong

lĩnh vực đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa quy định tại Điều 28 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a, b khoản 3 Điều 4 của Nghị định này hoặc buộc tiêu hủy sản phẩm, hàng hóa gây hại sức khỏe con người, động vật, an toàn, vệ sinh và môi trường.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa quy định tại Điều 29 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a, b khoản 3 Điều 4 của Nghị định này hoặc buộc tiêu hủy sản phẩm, hàng hóa gây hại sức khỏe con người, động vật, an toàn, vệ sinh và môi trường.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa quy định tại Điều 30 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a, b, i và k khoản 3 Điều 4 của Nghị định này.

Điều 27. Thẩm quyền xử phạt của các cơ quan khác

Các cơ quan Công an nhân dân, Hải quan, Quản lý thị trường, Thanh tra chuyên ngành và các cơ quan khác trong

phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao mà phát hiện các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng sản phẩm, hàng hóa thì được quyền xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và các quy định tại Nghị định này.

Điều 28. Ủy quyền xử lý vi phạm hành chính

Trong trường hợp những người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính quy định tại các khoản 2 và 3 Điều 25 của Nghị định này và tại các Điều 27, 28, 29; các khoản 3, 4, 5, 6 và 7 Điều 31; các khoản 2 và 3 Điều 34; các khoản 2, 3 và 4 Điều 37; các khoản 2 và 3 Điều 38 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính vắng mặt thì cấp phó được ủy quyền bằng văn bản có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và phải chịu trách nhiệm về quyết định xử phạt vi phạm hành chính do mình thực hiện.

Điều 29. Phân định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa

1. Trường hợp vi phạm hành chính trong lĩnh vực đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa thuộc thẩm quyền xử lý của nhiều cơ quan thì việc xử phạt do cơ quan thụ lý đầu tiên thực hiện.

2. Trường hợp vi phạm hành chính

trong lĩnh vực đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa không thuộc thẩm quyền xử phạt của người có thẩm quyền đang thụ lý thì phải chuyển hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền quyết định.

3. Khi xét thấy hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa có dấu hiệu cấu thành tội phạm thì người có thẩm quyền đang thụ lý phải chuyển ngay hồ sơ cho cơ quan tiến hành tố tụng hình sự có thẩm quyền giải quyết.

Nghiêm cấm việc giữ lại các vụ việc vi phạm có dấu hiệu tội phạm trong lĩnh vực đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa để xử phạt vi phạm hành chính.

Điều 30. Thủ tục xử phạt vi phạm hành chính thực hiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa

Thủ tục xử phạt vi phạm hành chính, việc thực hiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa được tiến hành theo quy định tại các điều từ Điều 53 đến Điều 69 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và Nghị định số 134/2003/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

Chương V

KHIẾU NẠI, TỔ CÁO VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 31. Khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa; giải quyết tranh chấp về chất lượng sản phẩm, hàng hóa lưu thông trên thị trường

1. Tổ chức, cá nhân bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa hoặc người đại diện hợp pháp của họ có quyền khiếu nại đối với quyết định xử phạt của người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

2. Cá nhân có quyền tố cáo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về những hành vi vi phạm hành chính của tổ chức, cá nhân và tố cáo hành vi trái pháp luật của người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

3. Quyền và nghĩa vụ của người khiếu nại, tố cáo; thẩm quyền giải quyết khiếu nại, tố cáo; thủ tục giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

4. Thẩm quyền giải quyết tranh chấp về chất lượng sản phẩm, hàng hóa lưu thông trên thị trường được thực hiện

theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 32. Xử lý vi phạm đối với người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính

Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa mà sách nhiễu, dung túng, bao che, không xử lý hoặc xử lý không kịp thời, xử lý vượt quá thẩm quyền quy định thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 33. Xử lý vi phạm đối với người bị xử phạt vi phạm hành chính

Người bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa nếu có hành vi chống người thi hành công vụ, trì hoãn, trốn tránh việc chấp hành hoặc có những hành vi vi phạm khác thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 34. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo và thay

thể Nghị định số 57/CP ngày 31 tháng 5 năm 1997 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đo lường và chất lượng hàng hóa. Mọi quy định trước đây trái với Nghị định này đều bị bãi bỏ.

Điều 35. Trách nhiệm hướng dẫn và thi hành

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm hướng dẫn chi tiết và tổ chức thi hành Nghị định này.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Phan Văn Khải

09686883

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com